

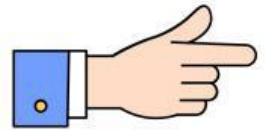


なまえ : _____



Ôn Bài Cực Vui - Nhớ Từ Cực Lâu !

Con hãy nhớ lại các từ vựng đã học để nối từ vựng với hình ảnh tương ứng



かお



あし



くち



へそ



て

Khoanh ☐ của phương án mà con thấy đúng

Đây là cái chân

A) これは あし です。 B) これは くち です。

Đây là khuôn mặt

A) これは くち です。 B) これは かお です。

Đây là tay

A) これは て です。 B) これは へそ です。



なまえ : _____



Ôn Bài Cực Vui - Nhớ Từ Cực Lâu !

Con hãy nhớ lại các từ vựng đã học để nối từ vựng với hình ảnh tương ứng



ねこ



しか



うし



いぬ



とら

Con hãy dựa vào câu mẫu, dịch các câu còn lại sang tiếng Nhật

- | | |
|----------------------|-------------|
| 1) Con bò ở đâu ạ? | うしは どこ ですか。 |
| 2) Con hươu ở đâu ạ? | _____。 |
| 3) Con hổ ở đâu ạ? | _____。 |
| 4) Con chó ở đâu ạ? | _____。 |
| 5) Con bò ở đây ạ. | うしは ここ です。 |
| 6) Con hươu ở đây ạ. | _____。 |
| 7) Con chó ở đây ạ. | _____。 |
| 8) Con hổ ở đây ạ. | _____。 |



なまえ： _____



Ôn Bài Cực Vui - Nhớ Từ Cực Lâu !

Con hãy nhớ lại các từ vựng đã học để nối từ vựng với hình ảnh tương ứng



すいか ごはん すし こめ しお

Khoanh ☐ vào phương án mà con thấy đúng

1) **Gạo** ở đâu ạ?

A) こめ は どこ ですか。 B) ごはん は どこ ですか。

2) **Muối** ở đâu ạ?

A) しお は どこ ですか。 B) すし は どこ ですか。

3) **Món cơm cuộn** ở đây ạ.

A) すいか は ここ です。 B) すし は ここ です。

4) **Dưa hấu** ở đây ạ.

A) すいか は ここ です。 B) こめ は ここ です。



なまえ： _____



Ôn Bài Cực Vui - Nhớ Từ Cực Lâu !

Con hãy nhớ lại các từ vựng đã học để nối từ vựng với hình ảnh tương ứng



くつ かさ かばん めがね いす

Các con dịch các câu bên dưới sang tiếng việt

- 1) これは くつ です。 Đây là _____
- 2) これは いす です。 _____
- 3) かさ は どこ ですか。 ở đâu ạ?
- 4) かさ は ここ です。 Cái ô _____
- 5) めがね は どこ ですか。 ?
- 6) めがね は ここ です。 ở đây ạ.
- 5) かばん は どこ ですか。 Cái cặp _____ ?
- 6) かばん は ここ です。 _____